TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: **129**/2024/HS-PT Ngày: 19 – 7 – 2024.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hường.

Các Thẩm phán: Ông Võ Thanh Hà; Ông Nguyễn Văn Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Tài – Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Trần Thị Ngọc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 136/2024/HSST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Trần Trung T1 (đã chết); Con bà Nguyễn Thị Ái V, sinh năm: 1958; Trú tại: Thôn B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có 01 con, sinh năm: 2021; Tiền án; Tiền sự: Không. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Hữu H - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk bào chữa cho bị cáo Trần Thị Ngọc T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H1 (sinh năm 1998, trú tại Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) và Trần Thị Ngọc T (sinh năm 1994, trú tại: Thôn B, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) sống với nhau như vợ chồng, thường sử dụng ví điện tử M được cài đặt trên điện thoại để thực hiện giao dịch chuyển tiền. H1 biết trên ứng dụng ví Momo có thể chuyển tiền ảo từ ví Momo đến tài khoản ngân hàng khác theo hình thức ứng tiền từ ví Thần tài, số tiền tạm ứng trong hạn mức là 10.000.000 đồng nhưng thực chất đó

chỉ là lệnh tạm ứng tiền trong ứng dụng và giao dịch chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng là ảo, không có số tiền nào được chuyển đi nên H1 và T đã sử dụng hình thức trên để lừa đảo chiếm đạt tài sản của nhiều người. Từ tháng 5/2023 đến tháng 7/2023, H1 và T đến chợ đầu mối phường T, thành phố B, dùng thủ đoạn gian dối chuyển tiền mua bán rau củ qua ứng dụng ví Momo để lừa đảo chiếm đoạt tiền của nhiều người bán hàng, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Tháng 5/2023 Nguyễn Văn H1 điều khiển xe mô tô biển số 47T1-251.75 chở Trần Thị Ngọc T đi đến chợ Đ phường T, thành phố B. H1 và T đến tiệm bán rau củ của bà Nguyễn Thị H2 (sinh năm 1964, trú tại: D Bà T, phường T, thành phố B) nói mua hàng với số tiền là 2.100.000 đồng. Sau đó H1 nói bà H2 không có tiền mặt nên thanh toán bằng hình thức chuyển khoản từ ví M đến tài khoản ngân hàng làm cho bà H2 tin tưởng là thật nên đồng ý và đưa số tài khoản ngân hàng A là 5219205466604 mang tên Nguyễn Thị H2. Do không có tiền mặt nên H1 nói chuyển thêm số tiền 2.900.000 đồng rồi nhờ bà H2 đưa lại số tiền 2.900.000 đồng cho H1, T để đi mua sắm tiếp. Sau đó, H1 dùng thủ đoạn gian dối dùng ứng dụng ví Momo thực lệnh chuyển khoản trên điện thoại Samsung A8 rồi đưa cho bà H2 xem màn hình điện thoại của H1 thể hiện đã chuyển thành công số tiền 5.000.000 đồng, bà H2 tin tưởng là thật nên đưa số tiền mặt 2.900.000 đồng cho H1 và T. Sau đó H1 và T không quay lại lấy rau củ mà chiếm đoạt của bà H2 số tiền 2.900.000 đồng rồi tẩu thoát sử dụng hết vào việc tiêu xài cá nhân. Bà H2 sau khi bị chiếm đoạt tiền nên đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để xử lý.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ 45 phút sáng ngày 17/6/2023, Nguyễn Văn H1 điều khiển xe mô tô biển số 47T1-251.75 chở Trần Thị Ngọc T đi đến chợ Đ phường T, thành phố B. Sau đó H1, T đi đến tiệm bán rau của ông Bùi Văn T2 (sinh năm: 1965, trú tại: Thôn C, xã C, thành phố B) để mua hàng. Sau khi T mua xong thì ông T2 tính tiền là 500.000 đồng. H1 nói ông T2 không có tiền mặt nên H1 nói chuyển khoản số tiền 2.500.000 đồng để ông T2 đưa lại 2.000.000 đồng tiền mặt làm cho ông T2 tin tưởng là thật nên nhờ chị Nguyễn Thị Bích T3 (là bạn hàng, sinh năm 1978, trú tại: Thôn C, xã H, thành phố B), sử dụng tài khoản ngân hàng A số 5216205081799 của chị T3 để nhận tiền do H1 chuyển đến. Sau đó, H1 dùng thủ đoạn gian dối dùng ứng dụng ví Momo thực lệnh chuyển khoản trên điện thoại Samsung A8 rồi đưa cho ông T2 xem màn hình điện thoại của H1 thể hiện đã chuyển thành công số tiền 2.500.000 đồng. Ông T2 tin tưởng là thật nên lấy tiền 2.500.000 đồng của chị T3, đưa số tiền 2.000.000 đồng cho H1, T. Sau đó H1, T không quay lại lấy rau củ mà chiếm đoạt của ông T2 số tiền 2.000.000 đồng tẩu thoát tiêu xài cá nhân hết. Sau khi bị chiếm đoạt tiền ông T2 làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra để xử lý.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ 40 phút sáng ngày 27/6/2023, Nguyễn Văn H1 điều khiển xe mô tô biển số 47T1-251.75 chở Trần Thị Ngọc T đi đến chợ Đ phường T,

thành phố B. Sau đó H1 và T đi đến tiệm bán cá của chị Tô Thị Thanh T4 (sinh năm: 1989, trú tại: A P, phường E, thành phố B), mua hàng với số tiền 780.000 đồng. H1 nói không có tiền mặt nên chuyển khoản thanh toán tiền qua ví M, H1 nói chuyển số tiền là 3.500.000 đồng, để chị T4 đưa lại cho H1 số tiền 2.720.000 đồng thì chị T4 đồng ý. Sau đó, H1 dùng thủ đoạn gian dối dùng ứng dụng ví Momo thực lệnh chuyển khoản trên điện thoại Samsung A8 đến tài khoản ngân hàng S số 050111833777 mang tên Nguyễn Huỳnh Đăng M1 (là chồng chị T4) rồi đưa cho chị T4 xem màn hình điện thoại của H1 thể hiện đã chuyển thành công số tiền 3.500.000 đồng. Chị T4 tin tưởng là thật nên lấy tiền 2.720.000 đồng đưa cho H1 và T. Sau khi lừa chị T4 chiếm đoạt được số tiền 2.720.000 đồng thì H1, T bỏ đi và không quay lại lấy hàng nữa. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 26/7/2023, H1 và T tiếp tục vào chợ Đ, đi đến tiệm bán củ, quả của chị Đoàn Thị Mỹ H3, sinh năm 2000, trú tại: 5 N, phường T, thành phố B) chọn hàng hoá số tiền là 435.000 đồng nhưng bị phát hiện. Tại trụ sở Công an phường T, thành phố B, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Bản án hình sự sơ thẩm số 136/2024/HSST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã tuyên xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc T 01 (một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

Án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với 01 bị cáo khác, tuyên xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Cấp sơ thẩm tuyên xử Bị cáo Trần Thị Ngọc T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Việc áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là đảm bảo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền chiếm đoạt không lớn, đã khắc phục trả lại số tiền chiếm đoạt cho 02 người bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc T 09 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác

đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 5/2023 đến tháng 7/2023, tại chợ Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Nguyễn Văn H1 và Trần Thị Ngọc T đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H2 số tiền 2.900.000 đồng, chiếm đoạt của ông Bùi Văn T2 số tiền 2.000.000 đồng và chiếm đoạt của bà Tô Thị Thanh T4 số tiền 2.720.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn Văn H1 và Trần Thị Ngọc T chiếm đoạt là 7.620.000 đồng *(Bảy triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng)*. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Trần Thị Ngọc T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, tác động xấu đến tình hình trật tự trị an địa phương. Bị cáo nhận thức rõ tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị xử lý nghiêm khắc nhưng vì tư lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là đúng quy định, đảm bảo tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo Trần Thị Ngọc T cũng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự gì. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt không lớn, bị cáo và gia đình đã khắc phục trả lại cho 02 người bị hại và người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo thuộc hộ nghèo, không nghề nghiệp ổn định, là lao động chính đang phải nuôi 01 con nhỏ. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình, xã hội.

[3] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 136/2024/HSST ngày 14/5/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về hình phạt.

[2] Về điều luật áp dụng, mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; Điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc T 09 (Chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt thi hành án.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- VP CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND TP. Buôn Ma Thuột;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS TP. B;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường